

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023
của huyện Ba Tơ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Ba Tơ;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ tại Tờ trình số 209/TTr-UBND ngày 23/12/2022 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6821/TTr-STNMT ngày 30/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Ba Tơ, với các nội dung sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch (*Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo*).

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 (*Chi tiết Biểu 02 kèm theo*).

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 (*Chi tiết tại Biểu 03 kèm theo*).

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2023 (*Chi tiết tại Biểu 04 kèm theo*).

5. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2023:

a) Tổng danh mục các công trình dự án thu hồi đất là 15 công trình, dự án với tổng diện tích là 298,1ha. Trong đó:

- Có 06 công trình, dự án phải thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, với tổng diện tích 14,5ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 (*Chi tiết tại Phụ biểu 01 kèm theo*).

- Có 09 công trình, dự án thu hồi đất xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023, với diện tích 283,6ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 (*Chi tiết tại Phụ biểu 02 kèm theo*).

b) Có 06 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa (*diện tích 8,59ha*), đất rừng phòng hộ (*diện tích 0ha*) sang đất phi nông nghiệp năm 2023 huyện Ba Tơ được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 (*Chi tiết tại Phụ biểu 03 kèm theo*).

6. Danh mục các công trình, dự án không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai:

- Có 01 công trình, dự án không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai đăng ký mới năm 2023, với diện tích 0,1ha (*Chi tiết tại Phụ biểu 04 kèm theo*).

- Có 01 công trình, dự án không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai xin tiếp tục thực hiện trong năm 2023, với tổng diện tích 2,93ha (*Chi tiết tại Phụ biểu 05 kèm theo*).

7. Danh mục công trình, dự án tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023:

Trong năm 2023, UBND huyện Ba Tơ đăng ký tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất 01 công trình, dự án với tổng diện tích 559,8m² (*Chi tiết tại Phụ biểu 06 kèm theo*).

8. Danh mục công trình, dự án xin tiếp tục thực hiện thủ tục đất đai trong năm 2023 của huyện Ba Tư (*Chi tiết tại Phụ biểu 07 kèm theo*).

9. Có 01 công trình, dự án loại bỏ không tiếp tục thực hiện trong năm 2023 (*Chi tiết tại Phụ biểu 08 kèm theo*).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Ba Tư chịu trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và chịu trách nhiệm nội dung đăng ký danh mục công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; trường hợp có phát sinh công trình, dự án mới trong năm kế hoạch sử dụng đất đề xuất UBND tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để được điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất theo quy định; trường hợp triển khai thực hiện thủ tục đất đai mà phát hiện công trình, dự án đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm chưa đúng theo quy định pháp luật đất đai thì kịp thời đề xuất UBND tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) xem xét điều chỉnh quyết định cho đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Ba Tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các Phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu:VT, KTN (Inphong11)

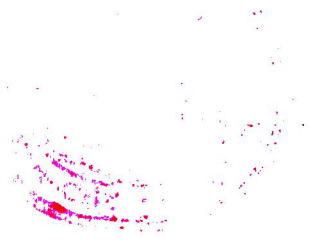
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



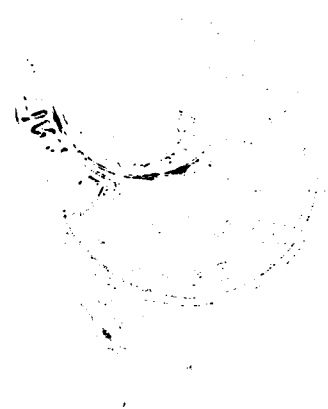
Trần Phước Hiền

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																			
				Thị trấn Ba Tơ	Xã Ba Bích	Xã Ba Cung	Xã Ba Dinh	Xã Ba Điện	Xã Ba Đông	Xã Ba Giang	Xã Ba Khảm	Xã Ba Lé	Xã Ba Liên	Xã Ba Nam	Xã Ba Ngọc	Xã Ba Thành	Xã Ba Tiểu	Xã Ba Tô	Xã Ba Trang	Xã Ba Vĩnh	Xã Ba Xã		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	548.07	31.87	8.28	7.74	25.96	38.35	35.36	3.19	0.85	13.71	0.06	0.39	35.17	61.58	45.30	55.10	19.45	71.81	26.56	67.34	
II	Khu chức năng	KCN																					
I	Đất khu công nghiệp cao	KKT																					
2	Đất khu kinh tế	KKT																					
3	Đất đô thị	KDT																					
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN																					
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN																					
6	Khu du lịch	KDL																					
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT																					
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPT																					
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC																					
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM																					
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV																					
12	Khu dân cư nông thôn	DNT																					
13	Khu cơ, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON																					

Ghi chú: Khu chức năng không hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên



10/11



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2023 HUYỆN BÀ TỐ
 Kế hoạch Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND (tính)



TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																				
			Tổng diện tích	Đang thực hiện	Xã Ba Chung	Xã Ba Đình	Xã Ba Diên	Xã Ba Đông	Xã Ba Giang	Xã Ba Khâm	Xã Ba Lê	Xã Ba Liên	Xã Ba Nam	Xã Ba Ngọc	Xã Ba Thanh	Xã Ba Tiểu	Xã Ba Tô	Xã Ba Trang	Xã Ba Vi	Xã Ba Vinh	Xã Ba Xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	
1	Đất nông nghiệp <i>Trong đó:</i>	NNP																					
1.1	Đất trồng lúa	LUA																					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC																					
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK																					
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN																					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																					
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN																					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NIS																					
1.8	Đất làm muối	LMU																					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH																					
2	Đất phi nông nghiệp <i>Trong đó:</i>	PNN	18.30	1.13	0.04	1.39			1.05			0.97			4.75	1.54	6.37	0.05			1.01		
2.1	Đất quốc phòng	CQP																					
2.2	Đất an ninh	CAN																					
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																					
2.4	Đất công nghiệp	SKN	0.01						0.01														
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD																					
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC																					
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																					
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX																					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã <i>Trong đó:</i>	DHT	18.14	0.98	0.04	1.39			1.04			0.97			4.75	1.54	6.37	0.05			1.01		
	Đất giao thông	DGT	0.07	0.01															0.05			0.01	
	Đất thủy lợi	DTL	0.97	0.97																			
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH																					
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT																					
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD																					
	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT																					
	Đất công trình năng lượng	DNL	17.10		0.04	1.39			1.04			0.97			4.75	1.54	6.37				1.00		
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV																					
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG																					
	Đất di tích lịch sử - văn hóa	DDT																					
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA																					
	Đất cơ sở tôn giáo	TON																					
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD																					
	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH																					
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH																					
	Đất chợ	DCH																					
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL																					
2.11	Đất sinh hoạt công đồng	DSH																					
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công đồng	DKV																					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT																					
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0.15		0.15																		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC																					
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS																					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																					
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN																					
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON																					
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC																					
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																					



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN BA TÒ
(Kèm theo Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đơn cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Đường BTXM thôn Bùi Hui (thảo nguyên Bùi Hui)	4.10	Xã Ba Trang	Tờ 02, 11, 12, 13, 14, 15, 28, 29, 30, 31, 44, 60 BBDC tỷ lệ 1/1000 và tờ 04, 12 BBDC tỷ lệ 1/5000 xã Ba Trang	QĐ số 585/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện Ba Tơ v/v giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng DBDTS và miền núi huyện Ba Tơ	3.639.0	3.308.0	331.0					
2	Cầu BTCT Làng Chai	0.30	Xã Ba Tò	Tờ 17 BBDC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Tò	QĐ số 585/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện Ba Tơ v/v giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng DBDTS và miền núi huyện Ba Tơ	2.268.0	2.061.0	207.0					

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
3	Khu tái định cư tập trung tại thôn Trà Nô, xã Ba Tô	3.50	Xã Ba Tô	Tờ 37, 51 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 và tờ 09 BĐĐC tỷ lệ 1/5000 xã Ba Tô	QĐ số 585/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện Ba Tô v/v giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐBĐTTS và miền núi huyện Ba Tô	4,829.0	4,354.0	475.0				
4	Khu dân cư chợ mới thị trấn Ba Tô	1.56	Thị trấn Ba Tô	Tờ 06, 07 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 thị trấn Ba Tô	Đăng ký để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư							
5	Khu dân cư Phía Đông bờ kè Suối Tài Năng	4.95	Thị trấn Ba Tô	Tờ 02, 07, 08 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 thị trấn Ba Tô	Đăng ký để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư							
6	Xây dựng Nhà lớp học Trường MN Ba Vi, do Tổ chức Children of Vietnam (Vi trẻ em Việt Nam) tài trợ; Hàng mục: 02 phòng học	0.09	Xã Ba Vi	Thửa 238 tờ 28 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Vi	QĐ số 1196/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi v/v phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật							
Tổng						10,736.00	9,723.00	1,013.00				

ĐẢNG MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN NĂM 2023 HUYỆN BA TƠ



Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện năm 2023	Ghi chú
				Đất lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường 30/10 (giai đoạn 2) và đường trục chính ven Hồ Tôn Dung	1.93	Thị trấn Ba Tơ		0.92	1.90	0.03		1.93	Do vướng mắc trong quá trình đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; đăng ký vào KHSSDD 2023 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất	Công trình thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Ba Tơ
2	Đường Trần Quý Hai (giai đoạn 2)	1.04	Thị trấn Ba Tơ	0.33		0.81	0.23		1.04	Do vướng mắc trong quá trình đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; đăng ký vào KHSSDD 2023 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất	Công trình thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Ba Tơ
3	Kè sát lở sông Liên, sông Tô (đợt 2, đoạn qua Tr.Tr Ba Tơ)	3.85	Thị trấn Ba Tơ	0.16		2.64	1.21		3.85	Do vướng mắc trong quá trình đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; đăng ký vào KHSSDD 2023 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất	Công trình thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Ba Tơ
4	Đường trung tâm cụm xã Ba Vinh	1.64	Xã Ba Vinh	0.42		1.15	0.49		1.64	Do vướng mắc trong quá trình đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; đăng ký vào KHSSDD 2023 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất	Công trình thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Ba Tơ
5	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Ba Đông (giai đoạn 1+ giai đoạn 2)	2.92	Xã Ba Đông, xã Ba Thành	0.26		2.40	0.52		2.92	Do vướng mắc trong quá trình đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; đăng ký vào KHSSDD 2023 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất	Công trình thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Ba Tơ

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Trong đó							Lý do xin tiếp tục thực hiện năm 2023	Ghi chú
				Đất lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao			
6	Thủy điện Sông Liên 2	50.87	xã Ba Bích, xã Ba Lé	4.7		43.63	7.24		50.87	Do vướng mắc trong quá trình kiểm kê, lập phương án đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; đăng ký vào KHSDĐ 2023 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, thuê đất	Công trình thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đã được HĐND tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện trong năm 2022.	
7	Thủy điện Ba V1	81.73	xã Ba Tiêu, Ba Ngạc	2.96		19.32	62.41		81.73	Do vướng mắc trong quá trình kiểm kê, lập phương án đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; đăng ký vào KHSDĐ 2023 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất	Công trình thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đã được HĐND tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện trong năm 2022.	
8	Thủy điện Nước Long	13.12	xã Ba Tiêu, xã Ba Ngạc		3.8	11.33	1.79	11.33	1.79	Do vướng mắc trong quá trình kiểm kê, lập phương án đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; đăng ký vào KHSDĐ 2023 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất	Công trình thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đã được HĐND tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện trong năm 2022.	
9	Thủy điện Sông Liên 1	126.50	xã Ba Cung, xã Ba Động, xã Ba Thành, xã Ba Vinh	8.83	4.72	10.13	116.37	10.13	116.37	Do vướng mắc trong quá trình kiểm kê, lập phương án đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; đăng ký vào KHSDĐ 2023 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, thuê đất	Công trình thuộc kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Ba Tơ	
Tổng cộng		283.60		8.83	4.72	93.31	190.29	21.46	262.14			

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2023 HUYỆN BA TỜ



(Kèm theo Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích đất QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (tên cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Thủy điện Sông Liên 1	126.50	3.56		Xã Ba Cung, xã Ba Đông, xã Ba Thành, xã Ba Vinh	Tờ 10, 17, 18, 24, 27, 29, 30, 31, 33, 34, 35, 36, 38, 39 BDDC tỷ lệ 1/1000 và tờ 04, 05 BDDC tỷ lệ 1/5000 xã Ba Đông; Tờ 57, 58, 59, 60, 64, 65, 66, 67, 69 BDDC tỷ lệ 1/1000 và tờ 7, 10 BDDC tỷ lệ 1/5000 xã Ba Thành; Tờ 63, 69, 70, 78, 79, 80, 90, 91, 96 BDDC tỷ lệ 1/1000 và tờ 09, 12 BDDC tỷ lệ 1/5000 xã Ba Vinh; Tờ 01, 02, 03, 04, 06, 07, 11, 12, 14, 20 BDDC tỷ lệ 1/1000 và tờ 02 BDDC tỷ lệ 1/5000 xã Ba Cung.	Được phê duyệt tại QĐ số 195/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 (KHSDB 2020) nhưng chưa đăng ký xin chuyển mục đích đất lúa, đất rừng phòng hộ. Xin đăng ký chuyển mục đích 3,56 ha đất lúa để thực hiện công tác thu hồi đất, thuê đất
2	Nhà Quản lý vận hành Đội truyền tải điện (dự án Đường dây 500kV Dốc Sỏi - Pleikú 2)	0.25	0.02		Thị trấn Ba Tờ	Tờ 12 BDDC tỷ lệ 1/1000 thị trấn Ba Tờ	Được thông qua danh mục chuyển mục đích đất lúa, rừng phòng hộ tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 với diện tích đất lúa là 0,23 ha. Đăng ký bổ sung 0,02 ha diện tích thu hồi đất lúa để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi và thuê đất

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
3	Đường dây 220KV Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	2.35	0.01		Xã Ba Tiêu, Ba Vi, Ba Tô, Ba Dinh, Ba Chùa (nay thị trấn Ba Tô), Ba Cung, Ba Thành, Ba Liên, Ba Động		Được thông qua danh mục chuyển mục đích đất lúa, rừng phòng hộ tại NQ số 28/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 với diện tích đất lúa là 0,06 ha; Đăng ký bổ sung 0,01 ha đất lúa để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất và thuê đất
4	KDC đô thị mới Ba Tô	10.00	4.95		Thị trấn Ba Tô	Tờ 02, 06, 07 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 thị trấn Ba Tô	Được thông qua tại NQ số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và được phê duyệt tại QĐ số 1381/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 (KH2022) nhưng chưa được thông qua danh mục chuyển mục đích đất lúa; Xin đăng ký chuyển mục đích 4,95 ha đất lúa để thực hiện thu hồi đất
5	Cầu BTCT Làng Chai	0.30	0.03		Xã Ba Tô	Tờ 17 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Tô	QĐ số 585/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện Ba Tô v/v giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐBĐTTS và miền núi huyện Ba Tô
6	Khu tái định cư tập trung tại thôn Trà Nô, xã Ba Tô	3.50	0.02		Xã Ba Tô	Tờ 37, 51 BĐĐC tỷ lệ 1/1000 và tờ 09 BĐĐC tỷ lệ 1/5000 xã Ba Tô	QĐ số 585/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện Ba Tô v/v giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐBĐTTS và miền núi huyện Ba Tô
	Tổng cộng	142.90	8.59	0.00			

Phụ biểu 04

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 CỦA LUẬT ĐẤT ĐẠI NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số 4508/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
IV/ Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất						
1	Trụ sở công an xã Ba Liên	0.10	xã Ba Liên	Thửa 25 Tờ 03 BDDC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Liên		Không đền bù
Tổng cộng		0.10				

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 CỦA LƯẬT ĐẤT ĐẠI NĂM 2013



(Kèm theo Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đơn cấp xã)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện năm 2023	Ghi chú
				Đất lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
1	Dường dây 500KV Dốc Sỏi - Pleiku 2	2.93	xã Ba Ngạc, xã Ba Tiêu, xã Ba Vì	0.05	0.23	1.98	0.95	0.00	1.98	Do vướng mắc trong quá trình kiểm kê, lập phương án đền bù và GPMB nên tiến độ dự án bị chậm trễ; đăng ký vào KHSDD 2023 để tiếp tục thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất	KH 2017 chuyển tiếp KH 2020; KH 2022
Tổng cộng		2.93		0.05	0.23	1.98	0.95	0.00	1.98		



**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN BA TƠ TRONG NĂM 2023**



Kiểm tra và Duyệt định số 1568/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Số lô đất đấu giá (lô)	Tổng diện tích đất đấu giá (m ²)	Dự kiến thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Đất thương mại, dịch vụ	Thửa 103, tờ 12 BDDC tỷ lệ 1/1000 thị trấn Ba Tơ	1	559.80	2023	QĐ số 206/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 và QĐ số 207/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
Tổng cộng			1	559.80		



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP TỨC THỰC HIỆN GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT TRONG NĂM 2023 HUYỆN BA TƠ



(Kèm theo Quyết định số 1568.../QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích (QH (ha))	Địa điểm (đến cấp xã)	Trong đó		Tình hình giao đất		Lý do xin tiếp tục thực hiện năm 2023	Ghi chú
				Đã thu hồi	chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Tường rào, công ngõ Trung tâm dịch vụ Nông lâm nghiệp huyện Ba Tơ	0.10	Thị trấn Ba Tơ	0.10	0.00		0.10	Đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 để thực hiện giao đất	KH 2018
2	Đường tránh lũ, cứu hộ cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà)	31.40	xã Ba Đông, xã Ba Thành, xã Ba Vinh, xã Ba Diên	31.40	0.00	21.47	9.93	Xin chuyển tiếp KHSDD năm 2023 để hoàn tất thủ tục giao đất phần diện tích còn lại (Ba Vinh: 4,64 ha; Ba Diên: 5,29 ha)	KH 2017; chuyển tiếp KH 2022
3	Đường dây 220KV Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	2.35	xã Ba Tiêu, Ba Vi, Ba Tô, Ba Dinh, Ba Chùa, Ba Cung, Ba Thành, Ba Ba	2.35	0.00		2.35		KH 2020
4	Kiên cố hoá kênh Mang Mít	0.23	xã Ba Thành	0.23	0.00	0.00	0.23	Đã thu hồi, đăng ký vào KHSDD năm 2023 để hoàn tất thủ tục giao đất	KH 2020
Tổng cộng				34.08	0.00	21.47	12.61		



**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 LOẠI BỎ,
KHÔNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HUYỆN BA TƠ**



Kèm theo Quyết định số 1568.../QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sân vận động xã Ba Chùa	0.42	xã Ba Chùa cũ (nay thuộc thị trấn Ba Tơ)			Công trình 3 năm không thực hiện
Tổng cộng		0.42				